

## LỊCH SỬ - VĂN HÓA

### KHỔNG TỬ

*Từ học thuyết về mô hình xã hội lý tưởng đến công cuộc giáo hóa nâng cao giá trị nhân cách, vai trò nhập thế của con người*

NGUYỄN THU PHƯƠNG\*

**L**à một trong số ít nhân vật được cả thế giới tôn vinh, nhưng dường như khoảng thời gian hơn 25 thế kỷ qua đã biến Khổng Tử thành bậc thánh nhân trong lớp lớp những lời xưng tán, hoặc xuyên tạc khác xa với sự thật. Do vậy, khi thực hiện bài viết này, chúng tôi đã loại đi những gì thuộc về truyền thuyết và căn cứ trực tiếp vào những lời Khổng Tử nói, những việc Khổng Tử làm đã được các tư liệu mang tính lịch sử xác nhận, đồng thời cũng được chính các học trò của ông ghi lại trong cuốn Luận Ngữ. Vì trong một chừng mực nhất định, đó là hướng lựa chọn thích hợp để chúng ta - những người đang sống ở thế kỷ XXI có thể bước vào thế giới của Khổng Tử và hiểu được vì sao mô hình xã hội lý tưởng do ông đề ra,

cùng sự nghiệp giáo hóa nhằm nâng cao giá trị nhân cách, vai trò nhập thế của con người mà ông dày công thực hiện lại có ảnh hưởng lâu dài đối với lịch sử phát triển xã hội Trung Quốc nói riêng, lịch sử văn minh nhân loại nói chung.

1. Khổng Tử sinh năm 551 Tr. CN tại nước Lỗ, nay là tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc trong một gia đình quý tộc đã sa sút. Ông thường nhắc tới tuổi thơ cơ cực của mình với học trò bằng những lời tâm sự đầy trần trở: *"Thuở bé ta chịu cảnh nghèo, nên phải làm việc hèn mọn"* (Ngô thiếu dã tiện, cố đa năng bỉ sự) [Luận Ngữ]. Và sự trần trở ấy đã kéo Khổng Tử tới gần nỗi thống khổ của người dân. Sau này, việc nhận một chức quan nhỏ chuyên lo chuyện cúng tế

\* NCV. Viện Nghiên cứu Trung Quốc

cũng tạo cho ông nhiều cơ hội tiếp xúc thường xuyên hơn với cả hai tầng lớp quý tộc lẫn thường dân. Ông bắt đầu cảm thấy đó là một thế giới đang ngày một rệu rã dưới sự điều hành của tầng lớp quý tộc quân phiệt, tham lam, tự kỷ và ngu dốt. Khổng Tử cho rằng, chính sự thối nát của họ là nguyên nhân khiến cho các quy tắc được minh định về Lễ trong xã hội Chu trở thành thứ hình thức xa hoa thiếu vắng lòng thành: *“Lễ cần ở tiết kiệm hơn là xa hoa. Tang lễ cần có lòng đau xót người chết hơn là lòe loẹt phô trương”* (Lễ, dĩ kỳ xa, ninh kiệm. Tang, dĩ kỳ dị dã, ninh thích) [Luận Ngữ]. Theo ông, muốn loại trừ tận gốc hiện tượng trên, con người cần có sự điều chỉnh từ bên trong nhằm thích nghi với quy luật khách quan của cuộc sống. “Theo yêu cầu của việc giải quyết vấn đề như vậy, một quan niệm căn bản nhất của triết học Khổng Tử đã ra đời: “Nhân” đã xuất hiện trong tư tưởng của ông, bởi vì nhân tâm mới là chân cơ của sinh mệnh, mới là sức sống tinh thần và nguồn cội của sức tự khống chế<sup>(1)</sup>. Nghĩa là, con người không phải như những cá nhân siêu hình bị cuốn theo đến mức hoàn toàn phụ thuộc vào xã hội mà là những cá thể gắn liền với xã hội. Bởi, về thực chất xã hội là một khối cộng đồng với những tổ hợp quần chúng được xây dựng trên sự tương tác giao tiếp giữa người và người, nên phải do con người tạo nên, con người làm chủ. Khổng Tử chủ trương sự tương tác đó cần tuân theo các nguyên tắc “yêu người”, “cứu giúp đồng loại” vì đó là mấu chốt tạo

ên xã hội lý tưởng với những tiêu chí cơ bản: *“Kinh tế dồi dào, quân đội hùng mạnh, thì nhân dân mới tin tưởng.”* (Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ.)

Tuy nhiên, với những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn, Khổng Tử không quá ảo tưởng đến mức tin rằng xã hội lý tưởng trên có thể dễ dàng thành sự thực mà không được mô hình hóa đến từng chi tiết. Trước tiên, ông đặt cho nó một nền móng vững vàng bằng thuyết dùng Đức trị để giáo dục quần chúng trở thành những công dân có ý thức xã hội tích cực (Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sĩ thả cách.) [Luận Ngữ]. Một cơ sở xã hội như vậy đòi hỏi phải có một chính quyền tốt bao gồm: *“Người cầm quyền phải vì phúc của dân khiến kẻ gần (trong nước) vui dạ, còn những kẻ phương xa phấn khởi mà đến ở”* (Cận giả duyệt, viễn giả lai.) [Luận Ngữ] và hệ thống quan liêu *“có thái độ nghiêm túc trong công việc, tiết kiệm và thương yêu con người, khi động viên nhân dân làm gì phải chú ý đến thời vụ”* (Kính sự nhi tín, tiết dụng nhi ái nhân, sử dân dĩ thời” [Luận Ngữ].

2. Là nhà tư tưởng ôn hòa, khi bắt tay vào triển khai mô hình xã hội lý tưởng của mình trên thực tế, Khổng Tử đã không yêu cầu nhà vua (do cha truyền con nối) phải phế ngôi. Ông chỉ thuyết phục nhà vua *“Dùng người trung thực, bỏ người gian dối quanh co thì dân phục”* (Cử trực thế chi uổng, tặc dân phục), hơn thế khi đã dùng thì phải tin tưởng giao quyền hành thực thụ cho họ - những viên quan có đủ phẩm chất đạo đức, kỹ năng quản lý xã hội được tuyển chọn từ

chính nền giáo dục phổ cập toàn dân do ông khai sáng.

Và Khổng Tử đã không hề là một nhà lý thuyết suông. Ông cùng các môn đệ mở trường tư thực đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc đào tạo ra những viên quan tương lai cho đất nước. Về một phương diện nhất định, chương trình giáo dục tại ngôi trường này có sự tương đồng với chương trình giáo dục cung đình ở mục đích đào tạo người làm quan. Nhưng khác với phương thức chọn người làm quan theo cách tiến cử như đương thời, Khổng Tử đề xuất tuyển người tài thông qua con đường học hành bao gồm rèn luyện kỹ năng làm quan và giáo hóa về đức, trí, tín, nghĩa, dũng. Theo Khổng Tử một người làm quan nếu: *“Ham thích điều nhân mà không thích học, cái hại là ở chỗ ngu; ham thích điều trí mà không thích học, cái hại là ở chỗ tản mạn, phóng túng; ham thích điều tín mà không thích học, cái hại là ở chỗ hại tới nghĩa lớn; ham thích sự chính trực mà không thích học, cái hại là ở chỗ khắt khe; ham thích điều dũng mà không thích học, cái hại là ở chỗ thích làm điều trái khoáy, lộn bậy; ham thích tính cương quyền rắn rỏi mà không thích học thì cái hại sẽ là ở chỗ điên khùng”* [Luận Ngữ - Dương hóa]<sup>(2)</sup>. Chính vì thế *“người học giỏi tất sẽ làm quan và người làm quan giỏi tất phải là người không ngừng học hỏi”* (Học nhi ưu tắc sĩ, sĩ nhi ưu tắc học) [Luận Ngữ].

Từ việc nhận chân sự suy thoái Lễ của nhà Chu, khi thực hiện công việc giáo hóa môn sinh. Khổng Tử chú trọng đặc biệt tới Lễ. Một mặt, ông hướng môn

sinh tới sự quân bình về tình cảm và nhân cách thông qua khả năng khép mình vào Lễ: *“Khắc kỷ phục lễ là nhân”* (Khắc kỷ phục lễ vi nhân) [Luận Ngữ]. Mặt khác, Khổng Tử cũng tập trung rèn luyện cho môn sinh khả năng tuân thủ những nguyên tắc, nghi thức và quy định của nhà nước về quản lý xã hội: *“Không phải lễ thì không nhìn, không phải lễ thì không nghe, không phải lễ thì không nói, không phải lễ thì không làm”* (Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động) [Luận Ngữ].

Ngoài khả năng khép mình vào Lễ, Khổng Tử còn đòi hỏi môn sinh phải trọng Nghĩa: *“Người quân tử đối với việc đời chỉ làm theo việc nghĩa”* (Quân tử chi ư thiên hạ... nghĩa chi dĩ ty) [Luận Ngữ]. Vì nghĩa chính là bốn phạm mà người quản lý xã hội phải đặt lên hàng đầu trong quá trình thực thi nhiệm vụ tăng cường sức mạnh nội lực của xã hội.

Trong việc dạy học, Khổng Tử luôn yêu cầu môn sinh phải không ngừng nâng cao năng lực trí tuệ. Theo ông, chính năng lực trí tuệ sẽ đem đến cho con người sự sáng suốt, chủ động trong công việc làm quan chứ không đơn thuần chỉ là công cụ trong tay nhà vua: *“Quân tử không như khí cụ”* (Quân tử bất như khí).

Là nhà giáo dục thực tiễn, Khổng Tử nhận thấy: *“Làm người mà không có đức tín thì không biết có gì là tốt nữa”* (Nhân nhi vô tín bất tri kỳ khả dã) [Luận Ngữ]. Với ông, Tín là một phẩm chất không thể thiếu trong hành trang của các môn sinh khi bước vào đường hoạn lộ. Bởi lẽ, nhờ có tín người quản lý xã hội sẽ tạo

được lòng tin của dân chúng vào chính quyền và chế độ.

Từ những nếm trái cay đắng rút ra sau nhiều lần tiếp xúc với các ông vua cai trị đất nước một cách nửa vời, cải lương, Khổng Tử đã đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo cho môn sinh tính kiên nhẫn, tự chủ trong mọi hoàn cảnh khó khăn; can đảm, quyết đoán trong việc đưa ra những chính sách mới; dám làm, dám chịu trách nhiệm khi thực hiện bổn phận xã hội của mình. Với một lời giảng ngắn gọn: “*Thấy điều nghĩa mà không làm thì không phải là dũng vậy*” [Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã] ông đã truyền cho học trò sức mạnh của lòng can đảm và đặt vào họ toàn bộ hy vọng sẽ thay ông để hành Đạo ở đời.

Cái gọi là Đạo mà Khổng Tử theo đuổi đó không giống với cách hiểu theo nghĩa “con đường” hoặc “phẩm hạnh” thô sơ như trước đây, hay khái niệm huyền học trong tư tưởng của Đạo gia. “Đối với Khổng Tử, Đạo không phải là cái gì huyền bí. Đó là con Đường (với chữ Đ viết hoa) tối thượng, trên hết mọi con đường mà con người cần tuân theo. Cứu cánh của nó là sự hạnh phúc cho nhân loại, thứ hạnh phúc đích thực của con người ngay khi họ còn sống trên thế gian.”<sup>(3)</sup> Đạo không bất biến, xa vời mà là cái con người hướng tới trong cuộc sống trần thế, là phẩm chất mà con người đạt được, thể hiện ra được, “*chỉ con người mới phát huy cho Đạo được lớn mạnh sáng rõ, chứ ngược lại thì không.*” (Nhân năng hoàng Đạo, phi Đạo hoàng nhân) [Luận Ngữ]. Vì quan niệm về Đạo được đặt trong mối quan hệ tương quan

với năng lực cá nhân và hoàn cảnh thực tiễn như vậy, nên khi truyền dạy cho học trò ông đã không buộc môn sinh phải ngu trung. Việc nhập thế làm quan của một cá nhân trước hết là vì Đạo chứ không phải vì bản thân nhà vua. Nếu hoàn cảnh không cho phép cá nhân đó có thể thực thi được Đạo thì anh ta có quyền thoái lui: “*Người được gọi là đại thân thì lấy Đạo mà phụng sự vua. Nếu không được như vậy thì hãy rút lui từ quan*” (Sở vị đại thân giả, dĩ Đạo sự quân, bất khả tắc chỉ.) [Luận Ngữ] nhưng ông cũng đòi hỏi học trò mình một tinh thần thực sự tự nguyện xả thân vì Đạo: “*Thấy món lợi bèn nhớ điều nghĩa (mà chẳng dám phạm). Thấy thế nguy bèn hy sinh không tiếc mạng. Bình sinh khi giao ước điều gì thì dầu bao lâu cũng không quên*” (Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cứu yếu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hi.) [Luận Ngữ].

Có thể thấy, sự nghiệp giáo hóa và rèn luyện kỹ năng làm quan cho các môn sinh của Khổng Tử đã vượt ra khỏi khuôn mẫu cổ truyền từ chính quá trình nâng cao giá trị nhân cách và phát huy toàn diện vai trò nhập thế của con người trong xã hội. Điều đó đồng nghĩa với việc ông đòi hỏi môn sinh không đơn thuần là một kiểu công cụ trong tay kẻ thống trị mà phải là người nắm vai trò năng động trong bất kỳ chính quyền nào mà họ tham chính với mục đích buộc giai cấp thống trị phải đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Những điều Khổng Tử đã làm cũng tỏ rõ ông luôn chủ động trong việc đào tạo thứ dân thành quân tử, ngõ hầu

có thể làm quan như lời tuyên bố: “Bạc quân tử phi nguồn gốc xuất thân”.

3. Nhưng trái với sự mong đợi của Khổng Tử, mô hình xã hội lý tưởng mà ông dồn mọi tâm huyết để xây dựng đã bị những người đứng đầu các quốc gia từ chối thực hiện. Có thể lý giải thất bại của ông bằng hai lý do: *Thứ nhất*, vào thời Khổng Tử sống, đức vua thường chỉ định quân thân, hoặc thông qua tiến cử mang nhiều cảm tính; *thứ hai*, cơ cấu quan liêu được xây dựng trên tiêu chí tài và đức mà không phải là nguồn gốc xuất thân do ông đề xuất là một đòn tấn công trực diện vào đặc quyền của giai cấp quý tộc, nhưng đòn tấn công đó chưa đủ mạnh để chiến thắng sự xuyên tạc, cách diễn giải sai lạc mà giai cấp này phản công lại cuộc cách mạng của ông.

Khổng Tử mất năm 479 Tr. CN hưởng thọ 73 tuổi trong cảm giác không toại nguyện. Nhưng sau này, trong những thời điểm cụ thể, ở những mức độ khác nhau, chính mô hình xã hội lý tưởng với các tiêu chí: “*Kinh tế dồi dào, quân đội hùng mạnh, thì nhân dân mới tin yêu*”, “*lấy dân làm gốc*”, lấy “*đức để trị*”, “*tuyển chọn người có tài, có đức*” của Khổng Tử lại là cơ sở lý luận tích cực để không ít nhà cầm quyền tiến bộ, có tinh thần cầu thị dựa vào nhằm xây dựng đất nước hùng mạnh, tự cường. Mặt khác, sự nghiệp giáo hóa có ý nghĩa phổ cập toàn dân, coi trọng kinh nghiệm thực tiễn, nhấn mạnh khả năng tự hoàn thiện nhân cách, nâng cao vai trò nhập thế của con người đối với xã hội mà ông theo đuổi ở những phương diện tiên quyết đã tạo ra những tiền đề cơ bản cho

sự ra đời của chế độ khoa cử phong kiến vốn được coi là một bước tiến về giáo dục ở Trung Quốc so với các nước phương Tây cùng thời kỳ. Và trong một chừng mực nhất định, có thể xem mô hình xã hội lý tưởng dựa trên nền tảng tự hoàn thiện nhân cách mà ông dày công vun đắp là thứ di sản quý báu cho sự trỗi dậy của những giá trị Đông Á (những giá trị lấy cộng đồng làm bản vị, lấy nhân đức, trí tuệ, tự cường, tín điều, nghĩa khí, cần kiệm làm thước đo phẩm chất, năng lực con người) đã được thừa nhận như một phần sức mạnh tất yếu của Trung Quốc nói riêng, của các nước trong khu vực chịu ảnh hưởng Nho gia nói chung trong tiến trình hiện đại hóa đất nước.

Với những cống hiến đó, chúng ta có thể hiểu được vì sao một người bình dị và không khoa trương như Khổng Tử lại trở thành một “*vị thánh không ngôi*”, một “*người thầy của muôn đời*” trong lòng những thế hệ yêu mến ông.

#### CHÚ THÍCH:

1. Vi Chính Thông: *Nho gia với Trung Quốc ngày nay*. Người dịch: Nguyễn Huy Quý, Nguyễn Kim Sơn... Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr44

2. Đặng Đức Siêu – Lê Hoài Việt dịch

3. Herrlee G. Creel “Confucius and the Struggle for Human Happiness” – Chinese Thought from Confucius to Mao Tsé – Tung ( Từ tưởng Trung Quốc từ Khổng Tử đến Mao Trạch Đông). A Mentor Book, New York, 1964, p. 29 -44 chuyển dẫn Lê Anh Minh, Khổng Tử và cuộc mưu cầu hạnh phúc nhân sinh <http://www.thienlybuutoa.org/LAM/khongtu.htm>